



## BẢNG BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Ngày chào giá:     /     / 2023

Có hiệu lực trong thời gian: .....

Công ty/Cơ sở kinh doanh (Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân báo giá) .....

Địa chỉ: .....

Người liên hệ: .....; Điện thoại: .....; Gmail .....

TT	YÊU CẦU CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN PHONG				CHÀO GIÁ CỦA NHÀ CUNG CẤP	
	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật/ Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
1	Áo blu, quần, mũ, khẩu trang bác sĩ, dược sĩ	1. Chất liệu: Vải Kate for 2. Màu sắc: màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải: - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280±1; ngang 266±1 - Độ bền màu giặt ở nhiệt độ 40°C (cấp) : 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): polyester: 66±1; Cotton: 34±1 4. Kiểu dáng: May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.	Bộ	178		
2	Áo, quần blu, mũ, khẩu trang điều dưỡng, NHS, KTV, Y sĩ.	1. Chất liệu: Vải Kate for 2. Màu sắc: màu trắng 3. Tiêu chuẩn vải: - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280±1; ngang 266±1 - Độ bền màu giặt ở nhiệt độ 40°C (cấp) : 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): polyester: 66±1; Cotton: 34±1 4. Kiểu dáng: May theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.	Bộ	476		

3	Áo choàng phòng mổ.	<p>1. Vải Kate for, màu xanh két</p> <p>2. Áo choàng dài tay có đính liền khẩu trang 2 dây buộc, đường xẻ sau lưng có dây buộc, bó chun cổ tay 5cm, chiều dài áo tới dưới gối.</p> <p>3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 174,5 ± 0,5</p> <p>+ Mật độ vải (dọc x ngang) (sợi 10cm): 316x260(±0,5)</p> <p>+ Độ bền màu giặt *40C (phai màu - cấp): 4-5</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt: Chiều dọc: (-0.1) , Chiều ngang: (0.0)</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%):</p> <p>Polyester: 66,5 (±0,5)</p> <p>Cotton: 33,5 (±0,5)</p>	Chiếc	10		
4	Áo, Chân váy nhân viên đón tiếp.	Áo vải lon ngắn tay hoặc dài tay màu xanh. Chân váy vải thô, chun giãn, màu xanh đen, dải băng chéo có chữ "Trung tâm y tế huyện Yên Phong - nhân viên tiếp đón"	Bộ	18		
5	Áo, quần KTV thiết bị y tế, KS thiết bị y tế, công nhân sửa chữa, lái xe, khác...	Vải ka ki, màu xanh đen. Áo dài hoặc cộc tay, màu xanh đen, bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, , gấu tay măng séc hoặc lơ vê, nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển ngực trái. Màu xanh đen, quần âu hai ly, hai túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	12		
6	Áo, quần, mũ, khẩu trang hộ lý, y công, nhân viên giặt là	<p>1. Chất liệu: Vải Kate for</p> <p>2. Màu sắc: màu xanh hòa bình</p> <p>3. Tiêu chuẩn vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 166,5 ± 0,5</p> <p>-Mật độ vải( sợi/10cm): dọc 280±1; ngang 268±1</p> <p>- Độ bền màu giặt ở nhiệt độ 40°C ( cấp) : 4-5</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu (%): polyester: 65±1; Cotton: 35±1</p> <p>4. Kiểu dáng:</p> <p>Cổ trái tim, cài cúc giữa, áo dài ngang hông, 2 túi trước, có khuy cài biển trước ngực trái. Quần âu hai ly, hai túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ, khẩu trang theo màu áo</p>	Chiếc	18		



7	Ga giường	Vải thô, màu xanh, kích thước 1,5m x 2,5m, may viền, các loại có chun và không chun	Chiếc	69		
8	Ga trải bàn 1,2m *2.2m	Vải thô, màu trắng, Kích thước 1,2m x 2,2m, may viền xung quanh.	Chiếc	2		
9	Khăn trải bàn	Vải thô, màu trắng KT 1,5m x 3m, may viền xung quanh	Chiếc	5		
10	Khăn trải bàn	Vải thô, màu trắng KT 1,5m x 2m may viền xung quanh	Chiếc	4		
11	Quần, áo nhân viên, hành chính, thu ngân, kế toán.	Áo vải lon, màu xanh Quần tuýp si màu xanh đen. Kiểu may: công sở	Bộ	98		
12	Quần, áo, mũ, khẩu trang phẫu thuật viên.	1. Vải Kate ford, màu xanh cổ vịt 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: + Mật độ vải (dọc x ngang) (sợi 10cm): 280x284(±0,5) + Độ bền màu giặt 40C (phai màu - cấp): 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,5 (±0,5) Cotton: 33,5 (±0,5) 3. Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, Quần giống màu áo	Bộ	15		
13	Săng trắng đúp, KT 0,75x0,8m	1. Vải Kaki, màu trắng 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: - Khối Lượng Vải (G/M2): 279 - Mật độ vải (sợi 10cm): Dọc 471±1; Ngang 280±1 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Sự Thay đổi kích thước sau giặt: Chiều dọc: (-0.7) – (-0.9) Chiều ngang: (-0.0)- (-0.0). 3. KT 0,75m x 0,8m may 2 lớp.	Chiếc	40		

14	Săng trắng thường, KT 0,6x0,6m	1. Vải Kaki , màu trắng 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: - Khối Lượng Vải (G/M2): 279 - Mật độ vải ( sợi 10cm): Dọc 471±1; Ngang 280±1 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Sự Thay đổi kích thước sau giặt: Chiều dọc: (-0.7) – (-0.9) Chiều ngang: (-0.0)- (-0.0). 3. KT 0,75m x 0,8m may 2 lớp.	Chiếc	40		
15	Săng trắng, KT 0,75 x 0,8m (thường)	1. Vải Kaki , màu trắng 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: - Khối Lượng Vải (G/M2): 279 - Mật độ vải ( sợi 10cm): Dọc 471±1; Ngang 280±1 - Độ bền màu giặt 40 độ C (Phai màu) (Cấp): 4-5 - Sự Thay đổi kích thước sau giặt: Chiều dọc: (-0.7) – (-0.9) Chiều ngang: (-0.0)- (-0.0). 3. KT 0,75m x 0,8m may 2 lớp.	Chiếc	80		
16	Toan mỏ 1,8x1,8m	1. Vải Kaki , màu xanh cổ vịt 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: + Mật độ vải (dọc x ngang) (sợi 10cm): 460x240(±0,5) + Độ bền màu giặt 40C (phai màu - cấp): 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 85,5 (±0,5) Cotton: 14,5 (±0,5) 3. KT: 1,8m x 1,8m, may 1 lớp	Chiếc	40		
17	Toan mỏ 2 m x 2,2m	1. Vải Kaki , màu xanh cổ vịt 2. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải: + Mật độ vải (dọc x ngang) (sợi 10cm): 460x240(±0,5) + Độ bền màu giặt 40C (phai màu - cấp): 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 85,5 (±0,5) Cotton: 14,5 (±0,5) 3. KT: 1,8m x 1,8m, may 1 lớp	Chiếc	20		
Tổng						

(Bảng chữ: .....)

